TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày 03-02-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thưởng;

2. Bà Vũ Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2025/TLST-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thu T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020178000579. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Dương Tự Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số nhà C, ngõ G, đường X, thôn T, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020081004413. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lý Thu T trình bày:

Bà Lý Thu T có quen biết với ông Dương Tự Q. Khoảng 22 giờ ngày 18/5/2024, ông Dương Tự Q đến nhà bà Lý Thu T hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng. Vì là chỗ quen biết, bà Lý Thu T đồng ý cho vay và đã chuyển khoản cho

ông Dương Tự Q số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thoả thuận thời hạn vay là 01 tháng, vay không có lãi, có bà Hoàng Thị T1 làm chứng. Tuy nhiên, hết thời hạn vay, ông Dương Tự Q không trả bà Lý Thu T số tiền vay theo như thỏa thuận, mặc dù bà Lý Thu T thường xuyên thông báo qua điện thoại và trực tiếp đến nhà yêu cầu ông Dương Tự Q trả nợ nhưng ông Dương Tự Q vẫn cố tình không trả nợ. Khoảng tháng 10/2024, bà Lý Thu T đã gửi đơn đến công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn để trình báo sự việc.

Tại buổi làm việc ngày 29/10/2024 ở trụ sở Công an huyện H, bà Lý Thu T và ông Dương Tự Q đã thỏa thuận lại về việc trả nợ, cụ thể: Theo biên bản thỏa thuận, hàng tháng vào ngày 12 dương lịch (bắt đầu từ tháng 11/2024), ông Dương Tự Q có nghĩa vụ trả cho bà Lý Thu T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền nợ gốc cùng lãi suất theo ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Hai bên thống nhất thoả thuận tiền lãi hàng tháng sẽ được cộng dồn và trả vào tháng cuối cùng trả tiền nợ gốc, hai bên chưa thoả thuận mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Khi đó, ông Dương Tự Q được viết biên bản thoả thuận, bà Lý Thu T được đọc và ký tên vào biên bản. Việc lập biên bản thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, lừa dối. Ngày 12/11/2024, ông Dương Tự Q đã chuyển khoản cho bà Lý Thu T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), trừ vào tiền nợ gốc; còn tiền lãi, ông Dương Tự Q vẫn chưa trả cho bà Lý Thu T bất kỳ khoản tiền lãi nào kể từ khi lập biên bản thỏa thuận (ngày 29/10/2024) cho đến nay. Ông Dương Tự Q đã không thực hiện theo đúng thoả thuận đã cam kết. Số tiền cho vay là tài sản riêng của bà Lý Thu T; khi cho vay, bà Lý Thu T cho cá nhân ông Dương Tự Q vay tiền.

Tại phiên tòa, bà Lý Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Dương Tự Q phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Lý Thu T toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/02/2026) là 23.339.500 đồng, trong đó:

- Tiền nợ gốc là: 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng);

- Tiền lãi tính từ ngày 29/10/2024 đến ngày 03/02/2026 là 4.339.500 đồng; trong đó:

+ Tiền lãi tính từ ngày 29/10/2024 đến ngày 12/11/2024 (15 ngày), với mức lãi suất 1,5%/tháng là: (15 ngày x (1,5%/tháng:30 ngày) x 20.000.000 đồng) = 150.000 đồng.

+ Tiền lãi tính từ ngày 13/11/2024 đến ngày 03/02/2026 (14 tháng 21 ngày), với mức lãi suất 1,5%/tháng là: (14 tháng x 1,5%/tháng x 19.000.000 đồng) + (21 ngày x (1,5%/tháng:30 ngày) x 19.000.000 đồng) = 4.189.500 đồng.

2. Kể từ ngày 04/02/2026 trở đi, nếu ông Dương Tự Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ, bà Lý Thu T yêu cầu ông Dương Tự Q phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất là 1,5%/tháng.

3. Về phương thức thanh toán: Bà Lý Thu T yêu cầu ông Dương Tự Q phải thanh toán toàn bộ khoản nợ (cả nợ gốc và nợ lãi) trong một lần, ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Dương Tự Q trình bày:

Ông Dương Tự Q thừa nhận tối ngày 18/5/2024, ông có đến nhà bà Lý Thu T hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Khi vay, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản, giấy tờ gì, hai bên thoả thuận thời hạn vay là 01 tháng, tiền lãi là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), có bà Hoàng Thị T1 làm chứng. Ngay sau đó, bà Lý Thu T đã chuyển khoản cho ông Dương Tự Q số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay, ông Dương Tự Q không phải thế chấp hay cầm cố tài sản gì để bảo đảm cho khoản vay. Hết thời hạn vay, do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông Dương Tự Q chưa trả được tiền nợ gốc và lãi cho bà Lý Thu T, bà Lý Thu T có đòi tiền nhưng ông Dương Tự Q xin thêm một thời gian. Sau đó, bà Lý Thu T đã gửi đơn trình báo đến công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn để đề nghị giải quyết. Ngày 29/10/2024, tại trụ sở công an huyện H, ông Dương Tự Q đã viết biên bản thoả thuận, bà Lý Thu T được đọc và ký tên vào biên bản. Theo nội dung biên bản thỏa thuận, vào ngày 12 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 11/2024, mỗi tháng ông Dương Tự Q sẽ trả cho bà Lý Thu T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ và trả lãi theo lãi suất ngân hàng, hai bên chưa thoả thuận mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu.

Ngày 12/11/2024, ông Dương Tự Q đã chuyển khoản cho bà Lý Thu T số tiền nợ gốc 1.000.000 đồng, còn tiền lãi ông Dương Tự Q chưa trả mà để cộng dồn vào lần trả cuối cùng. Vài ngày sau, bà Lý Thu T nhắn tin xúc phạm ông Dương Tự Q trên mạng xã hội Facebook, Zalo khiến ông rất bức xúc. Ngày 12/12/2024, ông Dương Tự Q muốn chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nợ gốc cho bà Lý Thu T theo biên bản thỏa thuận nhưng bà Lý Thu T chặn số tài khoản, không cho ông Dương Tự Q chuyển tiền. Khi bà Lý Thu T chặn số tài khoản, ông Dương Tự Q không gọi điện cho bà Lý Thu T, cũng không nhờ người khác chuyển khoản hộ. Kể từ đó đến nay, ông Dương Tự Q không trả cho bà Lý Thu T khoản tiền nào nữa.

Ông Dương Tự Q thừa nhận vẫn còn nợ tiền bà Lý Thu T theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông Dương Tự Q chưa đồng ý trả tiền cho bà Lý Thu T, do hiện nay ông Dương Tự Q đang làm đơn đề nghị cơ quan công an xử lý hành vi xúc phạm, danh dự nhân phẩm của bà Lý Thu T.

Quá trình tố tụng, người làm chứng bà Hoàng Thị T1 trình bày: Tối ngày 18/5/2024, bà Hoàng Thị T1 có được chứng kiến ông Dương Tự Q đến nhà hỏi vay bà Lý Thu T số tiền 20.000.000 đồng. Khi đó, bà Hoàng Thị T1 có thấy bà Lý Thu T chuyển khoản cho ông Dương Tự Q số tiền 20.000.000 đồng. Ông Dương Tự Q nói vay vài ngày, chậm nhất là 10 ngày sẽ trả tiền cho bà Lý Thu T, tuy nhiên bà Lý Thu T nói sẽ cho ông Dương Tự Q vay trong thời hạn 01 tháng. Khi vay, các bên không lập văn bản hay giấy tờ gì, không thoả thuận tính

lãi đối với số tiền vay. Sự việc sau đó ông Dương Tự Q đã trả được khoản tiền nào cho bà Lý Thu T hay chưa thì bà Hoàng Thị T1 không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Việc thụ lý, gửi thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật và xác định tư cách người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ; thủ tục cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 116, 117, 118, 119, 164, 166, 357, 398, 400, 401, 410, 421, 429, 463, 465, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thu T về việc buộc bị đơn ông Dương Tự Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lý Thu T tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 29/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 23.339.500 đồng, trong đó nợ gốc là 19.000.000 đồng, nợ lãi là 4.339.500 đồng. Về án phí, áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Dương Tự Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Lý Thu T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Tự Q phải trả lại số tiền nợ gốc và lãi mà bà Lý Thu T đã cho vay; bị đơn ông Dương Tự Q cư trú tại xã H, tỉnh Lạng Sơn nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự tồn tại của hợp đồng vay tài sản, thấy rằng: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận tối ngày 18/5/2024, ông Dương Tự Q đã đến nhà hỏi vay bà Lý Thu T số tiền 20.000.000 đồng; bà Lý Thu T đồng ý và đã chuyển khoản cho ông Dương Tự Q số tiền này; các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 (một) tháng; khi vay, các bên không lập văn bản, giấy tờ gì. Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về hiệu lực của hợp đồng vay tài sản, xét thấy: Tại thời điểm xác lập hợp đồng miệng (hợp đồng được thể hiện bằng lời nói) vào ngày 18/5/2024, bên cho vay và bên vay là người có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự; chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức

của giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng vay ngày 18/5/2024 có hiệu lực pháp luật.

[4] Về lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Tự Q trình bày rằng tối ngày 18/5/2024, khi vay, các bên có thỏa thuận miệng tiền lãi là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), có bà Hoàng Thị T1 làm chứng. Tuy nhiên, bà Lý Thu T khẳng định rằng tối ngày 18/5/2024, bà Lý Thu T cho ông Dương Tự Q vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi. Lời trình bày của bà Lý Thu T phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Hoàng Thị T1 về việc cho vay không có lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ khẳng định tối ngày 18/5/2024, khi cho ông Dương Tự Q vay tiền, bà Lý Thu T không yêu cầu tiền lãi.

[5] Về thực hiện hợp đồng và sửa đổi hợp đồng: Sau khi thỏa thuận, bà Lý Thu T đã chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho ông Dương Tự Q vào tối ngày 18/5/2024, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay. Hết thời hạn 01 tháng, ông Dương Tự Q không thanh toán được cho bà Lý Thu T số tiền nợ gốc theo như thỏa thuận nên đã vi phạm cam kết. Ngày 29/10/2024, tại trụ sở công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn, ông Dương Tự Q và bà Lý Thu T đã lập biên bản thoả thuận, thống nhất vào ngày 12 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 11/2024, mỗi tháng ông Dương Tự Q có nghĩa vụ trả cho bà Lý Thu T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền gốc cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ và trả lãi theo lãi suất ngân hàng; các bên thỏa thuận tiền lãi hàng tháng sẽ được cộng dồn và trả vào tháng cuối cùng trả tiền nợ gốc. Hội đồng xét xử thấy rằng biên bản thỏa thuận lập ngày 29/10/2024 về bản chất chính là văn bản sửa đổi hợp đồng, theo đó bên cho vay bà Lý Thu T và bên vay ông Dương Tự Q đã thỏa thuận lại về cách thức trả tiền nợ gốc, thời điểm trả tiền nợ gốc, xác định hợp đồng vay là có lãi và quy định về lãi suất, thời hạn trả lãi.

[6] Về thực hiện cam kết nêu tại biên bản thỏa thuận ngày 29/10/2024: Sau khi lập biên bản thỏa thuận, ông Dương Tự Q mới chỉ trả cho bà Lý Thu T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền gốc vào ngày 12/11/2024; còn tiền lãi, ông Dương Tự Q vẫn chưa trả cho bà Lý Thu T bất kỳ khoản tiền lãi nào kể từ khi lập biên bản thỏa thuận cho đến nay. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Dương Tự Q đã không thực hiện theo đúng thoả thuận đã cam kết từ ngày 29/10/2024, vẫn còn nợ bà Lý Thu T số tiền nợ gốc là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

[7] Đối với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn, nhận thấy mặc dù ngày 29/10/2024, các bên chưa thoả thuận mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu; tuy nhiên, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Tự Q đồng ý trả tiền lãi cho bà Lý Thu T, với mức lãi suất 1,5%/tháng, tương ứng với lãi suất 18%/năm. Xét thấy, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Ngoài ra, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 04/02/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo mức lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, trong đó quy định: *"Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015"*. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi, mức lãi suất yêu cầu.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Ý kiến phát biểu và quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn hoàn toàn phù hợp với các nhận định, căn cứ đánh giá giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 357, 398, 400, 401, 410, 421, 429, 463, 465, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thu T:

1. Buộc ông Dương Tự Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lý Thu T tổng số tiền là 23.339.500 đồng (hai mươi ba triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng); Nợ lãi là: 4.339.500 đồng (bốn triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng).

2. Kể từ ngày 04/02/2026 cho đến khi thi hành án xong theo quy định của pháp luật, ông Dương Tự Q phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho bà Lý Thu T với mức lãi suất 1,5%/tháng.

3. Án phí:

3.1. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lý Thu T số tiền 601.000 đồng (sáu trăm linh một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số: 0000777 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.2. Bị đơn ông Dương Tự Q phải chịu 1.167.000 đồng (một triệu, một trăm sáu mươi bẩy nghìn đồng) (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt